

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tiền Giang quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Xét Tờ trình số 364/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tiền Giang quản lý; Báo cáo thẩm tra số 130/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Tiền Giang quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh Tiền Giang có thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có nhu cầu xét nghiệm và tự chi trả.

Điều 2. Giá dịch vụ xét nghiệm

Giá các dịch vụ xét nghiệm ban hành kèm theo Nghị quyết này bao gồm: Danh mục giá 25 dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 được quy định tại Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 17/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức giá tạm thời đối với dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tại các đơn vị y tế công lập thuộc tỉnh Tiền Giang./.

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, Y tế, Tư pháp;
- Bảo hiểm Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-CoV-2
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Danh mục dịch vụ	Giá chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (VNĐ)	Giá sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)	Mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)
A	B	1	2	3=1+2
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn			
	Mẫu đơn	16.400	93.300	109.700
	Mẫu gộp 2	16.400	46.600	63.000
	Mẫu gộp 3	16.400	31.100	47.500
	Mẫu gộp 4	16.400	23.300	39.700
	Mẫu gộp 5	16.400	18.600	35.000
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động	38.500	148.100	186.600
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	166.800	351.600	518.400
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	63.200		
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	103.600		
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp			
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	94.300		
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	31.600		
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	62.700		
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét			



STT	Danh mục dịch vụ	Giá chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (VNĐ)	Giá sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)	Mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)
A	B	1	2	3=1+2
	nghiệm (phản ứng và tách chiết)			
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que	94.300	175.800	270.100
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que	94.300	117.200	211.500
1.3.3	Trường hợp gộp 4 que	94.300	87.900	182.200
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que	94.300	70.300	164.600
2	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	76.000		
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	30.200		
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	45.800		
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)			
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que	76.000	58.600	134.600
2.3.2	Trường hợp gộp 7 que	76.000	50.200	126.200
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que	76.000	43.900	119.900
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que	76.000	39.000	115.000
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que	76.000	35.100	111.100
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	139.300		
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	65.900		
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	73.400		
3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)			



STT	Danh mục dịch vụ	Giá chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (VNĐ)	Giá sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)	Mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)
A	B	1	2	3=1+2
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu	139.300	175.800	315.100
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu	139.300	117.200	256.500
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu	139.300	87.900	227.200
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu	139.300	70.300	209.600
4	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	122.500		
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	66.800		
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	55.700		
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)			
4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu	122.500	58.600	181.100
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu	122.500	50.200	172.700
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu	122.500	43.900	166.400
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu	122.500	39.000	161.500
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu	122.500	35.100	157.600

***Ghi chú:**

- Trường hợp Chi phí sinh phẩm xét nghiệm theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu thấp hơn mức giá quy định tại cột (2) bảng này thì các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thu mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trường hợp Chi phí sinh phẩm xét nghiệm theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu cao hơn mức giá quy định tại cột (2) bảng này thì các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thu mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm không vượt mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm tại cột (3) bảng này.



PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-CoV-2
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Danh mục dịch vụ	Giá chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (VNĐ)	Giá sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)	Mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)
A	B	1	2	3=1+2
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn			
	Mẫu đơn	16.400	93.300	109.700
	Mẫu gộp 2	16.400	46.600	63.000
	Mẫu gộp 3	16.400	31.100	47.500
	Mẫu gộp 4	16.400	23.300	39.700
	Mẫu gộp 5	16.400	18.600	35.000
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động	38.500	148.100	186.600
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	166.800	351.600	518.400
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	63.200		
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	103.600		
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp			
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	94.300		
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	31.600		
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	62.700		
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét			

STT	Danh mục dịch vụ	Giá chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (VNĐ)	Giá sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)	Mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)
A	B	1	2	3=1+2
	nghiệm (phản ứng và tách chiết)			
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que	94.300	175.800	270.100
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que	94.300	117.200	211.500
1.3.3	Trường hợp gộp 4 que	94.300	87.900	182.200
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que	94.300	70.300	164.600
2	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	76.000		
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	30.200		
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	45.800		
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)			
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que	76.000	58.600	134.600
2.3.2	Trường hợp gộp 7 que	76.000	50.200	126.200
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que	76.000	43.900	119.900
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que	76.000	39.000	115.000
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que	76.000	35.100	111.100
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	139.300		
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	65.900		
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	73.400		
3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)			

STT	Danh mục dịch vụ	Giá chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (VNĐ)	Giá sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)	Mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (VNĐ)
A	B	1	2	3=1+2
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu	139.300	175.800	315.100
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu	139.300	117.200	256.500
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu	139.300	87.900	227.200
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu	139.300	70.300	209.600
4	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	122.500		
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	66.800		
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	55.700		
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)			
4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu	122.500	58.600	181.100
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu	122.500	50.200	172.700
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu	122.500	43.900	166.400
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu	122.500	39.000	161.500
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu	122.500	35.100	157.600

***Ghi chú:**

- Trường hợp Chi phí sinh phẩm xét nghiệm theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu thấp hơn mức giá quy định tại cột (2) bảng này thì các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thu mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trường hợp Chi phí sinh phẩm xét nghiệm theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu cao hơn mức giá quy định tại cột (2) bảng này thì các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thu mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm không vượt mức giá bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm tại cột (3) bảng này.